

Số: /KH-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Phát triển hạ tầng số tỉnh Tuyên Quang năm 2025, định hướng đến năm 2030

Phần thứ nhất HIỆN TRẠNG HẠ TẦNG SỐ

I. HẠ TẦNG VIỄN THÔNG

1. Mạng viễn thông băng rộng di động

- Số thuê bao băng rộng di động/100 dân: 74,8.
- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh/tổng thuê bao điện thoại di động: 99,2%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh: 60,7%.
- Tốc độ băng rộng di động (tốc độ tải xuống theo i-Speed): 74,86 Mbps.
- Tỷ lệ thôn, bản được phủ sóng di động băng rộng: 97,8%.
- Tỷ lệ dùng chung vị trí BTS: 14,03%.

2. Mạng viễn thông băng rộng cố định

- Số thuê bao băng rộng cố định/100 dân: 18,1.
- Tỷ lệ phần trăm hộ gia đình có truy nhập Internet băng rộng cáp quang: 54,83%.
- Tốc độ băng rộng cố định (tốc độ tải xuống theo i-Speed): 92,05 Mbps.
- Tỷ lệ thôn, bản được phủ băng rộng cố định (cáp quang FTTH): 93,3%

3. Các hạ tầng viễn thông có liên quan khác trên địa bàn

- Tỷ lệ Mạng truyền số liệu chuyên dùng kết nối đến Ủy ban nhân dân cấp xã đạt: 100%.
- Hạ tầng IoT (*camera giao thông thông minh, ...*): Đã tích hợp vào Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh (IOC). Tuy nhiên mới chỉ thực hiện tích hợp các hệ thống camera đơn lẻ như của hệ thống camera của Công an huyện Sơn Dương, Viettel Tuyên Quang. Tỉnh chưa triển khai dự án camera thông nhất trên toàn tỉnh.

II. HẠ TẦNG TRUNG TÂM DỮ LIỆU, ĐIỆN TOÁN Đám Mây

- Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh: Với khoảng 50 máy chủ ảo và 12 hệ thống thông tin/ nền tảng/ phần mềm. Trong đó: 01 hệ thống Cổng thông tin điện tử tỉnh với 183 Trang Thông tin điện tử thành phần của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp xã; 01 hệ thống Hội nghị hội nghị giao ban điện tử đáp ứng khoảng 200 điểm cầu kết nối họp trực tuyến phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo tỉnh.

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia

về dân cư và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Hiện tại, LGSP đã tích hợp, chia sẻ 22 dịch vụ dữ liệu là các CSDL/HTTT của các bộ, ngành, cơ quan Trung ương và địa phương⁽¹⁾.

- Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh hoạt động 24/7 phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo.

- Hệ thống giám sát an toàn an ninh thông tin 4 cấp cho các hệ thống dùng chung của tỉnh (SOC) duy trì, giám sát 24/24; triển khai giải pháp phòng chống mã độc tập chung cho Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh và khoảng 3.353 máy tính của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

- Hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) triển khai cho các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng cho Nền tảng tích hợp chia sẻ các hệ thống thông tin quy mô cấp tỉnh (Nền tảng LGSP), quản lý chữ ký số chuyên dùng công vụ, hội nghị truyền hình trực tuyến ... với 169 đường truyền.

III. HẠ TẦNG CÔNG NGHỆ SỐ

Tỉnh chưa triển khai hạ tầng công nghệ (AI, blockchain, IoT).

IV. NỀN TẢNG SỐ CÓ TÍNH CHẤT HẠ TẦNG

Tỉnh đã và đang triển khai các nền tảng số có tính chất hạ tầng: Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh (IOC); Nền tảng LGSP; Cổng Cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Tuyên Quang; Mạng diện rộng ...

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Hạ tầng viễn thông băng rộng được quan tâm, đẩy mạnh đầu tư xây dựng nhằm thúc đẩy chuyển đổi số. Thuê bao Internet cáp quang hộ gia đình tăng trưởng khá. Trung tâm giám sát, điều hành thông minh tỉnh Tuyên Quang (IOC), Mạng truyền số liệu chuyên dùng, Nền tảng chung tích hợp chia sẻ các hệ thống thông tin quy mô cấp tỉnh LGSP tỉnh Tuyên Quang, Cổng Cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Tuyên Quang, Mạng diện rộng tỉnh Tuyên Quang (WAN) đang được triển khai cùng với các nền tảng cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã và đang được triển khai đáp ứng được yêu cầu xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, phát triển kinh tế số và

⁽¹⁾ **Gồm:** (1) CSDL quốc gia về Dân cư (Bộ Công an); (2) CSDL quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức (Bộ Nội vụ); (3) Hệ thống định danh và xác thực điện tử (Bộ Công an); (4) CSDL quốc gia về văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp); (5) CSDL quốc gia về Giá (Bộ Tài chính); (6) Hệ thống thông tin quản lý danh mục điện tử dùng chung của các cơ quan nhà nước phục vụ Chính phủ điện tử Việt Nam (Bộ Thông tin và Truyền thông); (7) Cổng Dịch vụ công của Bộ Xây dựng; (8) Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam; (9) Hệ thống mã bưu chính Vpostcode (Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam); (10) Hệ thống dịch vụ, tiện ích của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN); (11) Phần mềm Quản lý Thi đua khen thưởng của Sở Nội vụ; (12) tin hệ thống CSDL về lập kế hoạch thanh tra và xử lý chồng chéo; (13) Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Tuyên Quang; (14) Hệ thống Lý lịch tư pháp của Bộ Tư pháp; (15) Hệ thống Quản lý Hộ tịch của Bộ Tư pháp; (16) Hệ thống Quản lý vận tải của Sở Giao thông vận tải; (17) Hệ thống Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); (18) Hệ thống Đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội; (19) Đăng ký doanh nghiệp của Sở Kế hoạch và Đầu tư; (20) Cấp mã số cho các đơn vị quan có hệ với ngân sách của Sở Tài chính. (21) Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh; (22) Hệ thống dịch vụ công đổi GPLX.

xã hội số của tỉnh.

2. Tồn tại, nguyên nhân

- Tỷ lệ dùng chung hạ tầng viễn thông, hạ tầng kỹ thuật liên ngành còn thấp, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các doanh nghiệp viễn thông với nhau và với các tổ chức, doanh nghiệp quản lý hạ tầng kỹ thuật khác như điện, nước, giao thông, chiếu sáng.

- Các chỉ tiêu phát triển hạ tầng IoT, hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng công nghệ số và nền tảng số có tính chất hạ tầng còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng, nhu cầu phát triển của tỉnh.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ NĂM 2025

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

Quyết định số 885/QĐ-BTTTT ngày 25/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Bộ tiêu chí đánh giá phát triển hạ tầng số của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Nghị quyết số 48-NQ/TU ngày 15/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Các kế hoạch, quyết định Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành liên quan triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số, các bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Phát triển hạ tầng số (bao gồm hạ tầng viễn thông và Internet, hạ tầng dữ liệu, hạ tầng vật lý - số, hạ tầng tiện ích số và Công nghệ số như dịch vụ) có băng thông siêu rộng, phổ cập, xanh, an toàn, bền vững, mở, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số, chính quyền số.

- Hạ tầng số được phát triển nhanh, phát triển trước phục vụ phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của tỉnh.

- Phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng trên địa bàn tỉnh để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của tỉnh, đồng thời cụ thể hoá và triển khai có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đề ra trong Quyết định số 749/QĐ-TTg và Nghị quyết số 48-NQ/TU.

- Kiến tạo môi trường phát triển thuận lợi cho các doanh nghiệp thuộc các

thành phần kinh tế tham gia đầu tư, phát triển hạ tầng số. Thị trường sản phẩm, dịch vụ hạ tầng số phát triển nhanh, bền vững trong môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh.

- Phần đầu đạt mục tiêu tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh, hộ gia đình có đường cáp quang tương đương mức bình quân cả nước.

2. Yêu cầu

- Phát triển hạ tầng số phù hợp với các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương; đồng bộ với các quy hoạch, kế hoạch có liên quan của tỉnh và địa phương.

- Hạ tầng số được lập kế hoạch, triển khai song song, đồng bộ với hạ tầng giao thông, hạ tầng điện, hạ tầng chiếu sáng, hạ tầng công trình ngầm, các hạ tầng kỹ thuật khác. Các doanh nghiệp phối hợp phát triển hạ tầng số theo nguyên tắc dùng chung, chia sẻ.

- Hạ tầng số phát triển theo hướng mở, ảo hóa, tối ưu cho việc dùng chung để có thể được cung cấp như một dịch vụ, trong đó giải pháp đột phá là hạ tầng điện toán đám mây và các nền tảng số.

- Hạ tầng số được phát triển an toàn, tin cậy, góp phần tạo lập niềm tin số.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Chuyển đổi hạ tầng viễn thông thành hạ tầng số để phục vụ chuyển đổi số và dẫn dắt phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

- Phát triển hạ tầng số tạo động lực phát triển nhanh cho các ngành, lĩnh vực và nền kinh tế đặc biệt là nền kinh tế số, kinh tế nền tảng số.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu năm 2025

2.1.1. Mạng viễn thông băng rộng di động

- Số thuê bao băng rộng di động/100 dân: 80.

- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh/tổng thuê bao điện thoại di động: 99,5%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh: 75% .

- Tốc độ băng rộng di động (tốc độ tải xuống theo i-Speed): 75Mbps.

- Tỷ lệ thôn, bản được phủ sóng di động băng rộng: 98%.

- Tỷ lệ dùng chung vị trí BTS: 16%.

- Triển khai phủ sóng mạng 5G tại các khu công nghiệp, địa điểm du lịch, ...

2.1.2. Mạng viễn thông băng rộng cố định.

- Số thuê bao băng rộng cố định/100 dân: 21.

- Tỷ lệ phần trăm hộ gia đình có truy nhập Internet băng rộng cáp quang: 56%.

- Tốc độ băng rộng cố định (tốc độ tải xuống theo i-Speed): 120Mbps.

- Tỷ lệ thôn, bản được phủ băng rộng cố định (cáp quang FTTH): 95%.

2.1.3. Hạ tầng trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây

Phấn đấu 100% hệ thống thông tin dùng chung cấp tỉnh sử dụng dịch vụ theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây.

2.1.4. Hạ tầng công nghệ số

Tạo điều kiện để các doanh nghiệp triển khai hạ tầng công nghệ số đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa, thông minh hóa hạ tầng kinh tế - xã hội; hỗ trợ hiệu quả cho chương trình chuyển đổi số của tỉnh, phát triển kinh tế số, xã hội số; đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hệ thống quản trị số địa phương và năng lực quản trị. Ưu tiên (nhưng không giới hạn) các lĩnh vực như trợ lý ảo, ngân hàng, y tế, giáo dục, nông nghiệp, môi trường, du lịch, an ninh trật tự, phòng chống thiên tai, ...

2.1.5. Nền tảng số có tính chất hạ tầng

- Phấn đấu 100% các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh sử dụng các nền tảng số có tính chất hạ tầng có liên quan do Bộ, ngành triển khai nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành.

- Tiếp tục triển khai các nhiệm vụ nâng cấp, hoàn thiện và đưa vào sử dụng các phần mềm/nền tảng số có tính chất hạ tầng theo các kế hoạch của tỉnh; kế hoạch các ngành, lĩnh vực, địa phương phục vụ xây dựng chính quyền số, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số bảo đảm dùng chung, kết nối, liên thông và chia sẻ.

- Phấn đấu 50% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh sử dụng nền tảng số có tính chất hạ tầng.

2.2. Mục tiêu đến năm 2030

- Số thuê bao băng rộng di động/100 dân: 100.
- Số thuê bao băng rộng cố định/100 dân: 40.
- Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh/tổng thuê bao điện thoại di động: 100%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh: 90% .
- Tỷ lệ phần trăm hộ gia đình có truy nhập Internet băng rộng cáp quang: 56%.
- Tỷ lệ thôn, bản được phủ sóng di động băng rộng: 100%.
- Tỷ lệ thôn, bản được phủ băng rộng cố định (cáp quang FTTH): 98%.
- Mạng băng rộng di động thế hệ thứ 5 (5G) phủ sóng 100% dân số các khu vực có nhu cầu sử dụng.
- 100% các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin, điểm du lịch, công viên, công cộng và các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, trường học, bệnh viện, địa điểm du lịch được phủ sóng mạng 5G.
- Tỷ lệ trạm BTS phát triển mới dùng chung hạ tầng hiện trạng đạt 60% tổng số trạm phát triển mới.

IV. NHIỆM VỤ

(Có biểu nhiệm vụ kèm theo).

V. GIẢI PHÁP

1. Cơ chế, chính sách

- Phối hợp xây dựng và hoàn thiện Phương án phát triển thông tin và truyền thông tích hợp vào Quy hoạch tỉnh đồng bộ với các quy hoạch, kế hoạch có liên quan và kế hoạch này.

- Tổ chức xây dựng Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông đáp ứng yêu cầu phát triển viễn thông băng rộng, phổ cập.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung hoặc xây dựng mới các quy định quản lý, thúc đẩy phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn thiện các chính sách, thúc đẩy, ưu tiên không gian, vị trí, tạo điều kiện để các doanh nghiệp phát triển hạ tầng viễn thông băng rộng, xây dựng các trung tâm lưu trữ dữ liệu, trạm trung chuyển Internet,... trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch của doanh nghiệp.

2. Ưu tiên phát triển hạ tầng số

- Bảo đảm khả năng triển khai hạ tầng băng rộng đồng bộ với hạ tầng ngành khác (giao thông, xây dựng, cấp thoát nước, chiếu sáng, năng lượng) theo nguyên tắc tăng cường chia sẻ, dùng chung.

- Tăng cường phối hợp, chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng viễn thông để tăng hiệu quả đầu tư, phát triển, xây dựng hạ tầng của doanh nghiệp bảo đảm mỹ quan và an toàn cho người dân; triển khai các phương pháp chia sẻ hạ tầng tiên tiến (thụ động, tích cực)... Tiếp tục triển khai cải tạo và sử dụng chung các cột ăng ten thu phát sóng, thông tin di động hiện có.

- Ưu tiên phát triển mới trạm thu phát sóng thông tin di động với các loại cột ăng ten thân thiện với môi trường, nguy trang, không công kênh trong khu đô thị.

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển hạ tầng số theo Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 17/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung một số nội dung Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 12/4/2022 về thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa XVII) về chuyển đổi số tỉnh Tuyên Quang đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

3. Bảo đảm an toàn hạ tầng số, an toàn, an ninh mạng, quyền lợi người dùng

- Thực thi văn bản quy phạm pháp luật, chính sách và văn bản hướng dẫn thi hành về bảo đảm an toàn hạ tầng số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu số, bảo vệ thông tin cá nhân trên mạng.

- Xử lý các nguồn phát tán thông tin vi phạm pháp luật theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; các doanh nghiệp cung cấp hạ tầng số từ chối hợp tác, kinh doanh với các tổ chức, doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật và không để các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật sử dụng hạ tầng của mình.

- Tăng cường các biện pháp bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; phối hợp điều tra, xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng mạng viễn thông, Internet và các nền tảng số

để thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật.

4. Đo lường, quản lý, giám sát

- Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai các hệ thống đo lường, giám sát, đánh giá, quản lý nhà nước về hạ tầng viễn thông, hạ tầng trung tâm dữ liệu, hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng công nghệ số, nền tảng số có tính chất hạ tầng.

- Triển khai đầy đủ bộ tiêu chí đo lường, quản lý, giám sát hạ tầng số theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

5. Tuyên truyền, nâng cao năng lực khai thác hạ tầng số

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật về thực hiện chuyển đổi số của tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng, các cơ quan báo chí, hệ thống truyền thanh cơ sở; nâng cao nhận thức của toàn xã hội trong việc thực hiện chuyển đổi số phục vụ xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Phát huy hiệu quả công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông tin cơ sở, truyền thông qua mạng xã hội, Tổ công nghệ số cộng đồng để tạo sự đồng thuận trong nhân dân khi triển khai phát triển hạ tầng số, trạm BTS công nghệ mới.

- Phối hợp với cơ quan báo chí tuyên truyền, phổ biến và khích lệ tinh thần, động lực của xã hội, của doanh nghiệp trong việc phát triển hạ tầng số từ đó thay đổi căn bản được thói quen của người dân khi sống trong môi trường xã hội số mới.

- Tuyên truyền, phổ biến những đặc tính, khả năng đáp ứng, cung cấp dịch vụ của hạ tầng băng rộng cố định, băng rộng di động chất lượng cao (5G) để các cá nhân, tổ chức nắm bắt, xác định nhu cầu (về tốc độ, độ trễ, ...) theo từng mục đích sử dụng (y tế, giáo dục, thương mại điện tử, ...) từ đó đặt hàng các doanh nghiệp hạ tầng số thiết lập cung cấp.

- Truyền thông, phổ biến các kỹ năng số cơ bản cho người dân, bao gồm các kỹ năng cơ bản như truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân.

- Triển khai các chiến dịch tuyên truyền, nâng cao nhận thức về lợi ích của chuyển đổi từ hạ tầng công nghệ thông tin đơn lẻ sang điện toán đám mây nhằm tăng tỷ lệ sử dụng điện toán đám mây của doanh nghiệp trong nước...

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện kế hoạch bao gồm: Ngân sách nhà nước bố trí theo phân cấp để thực hiện các nhiệm vụ do các cơ quan quản lý Nhà nước thuộc tỉnh chủ trì; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương và các doanh nghiệp tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch này; báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ và kịp thời tham mưu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung cần sửa đổi, bổ sung

trong quá trình triển khai đảm bảo phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; báo cáo tổng kết việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Nghiên cứu chính sách quản lý và khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đầu tư vào hạ tầng số; phát triển hạ tầng băng rộng đảm bảo hiện đại, an toàn, dung lượng lớn, tốc độ cao, vùng phủ dịch vụ rộng đảm bảo các mục tiêu đề ra; thúc đẩy tối đa việc kết nối và thực hiện chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông giữa các doanh nghiệp viễn thông.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan: Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, các nguồn kinh phí từ các chương trình, dự án, đề án có liên quan theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nguồn tài trợ, viện trợ quốc tế, nguồn huy động từ xã hội, cộng đồng và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ chế tài chính trong công tác quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các Sở, ban, ngành trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp thu hút đầu tư, phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xác định danh mục chương trình, dự án đầu tư; cân đối, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ, dự án về phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

4. Sở Xây dựng

- Chỉ đạo các chủ đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền quản lý tích hợp các thành phần của hạ tầng số trong các công trình có liên quan bảo đảm đồng bộ từ khâu thiết kế, thi công đến nghiệm thu đưa vào sử dụng.

- Tạo điều kiện trong việc cấp phép xây dựng các công trình xây dựng thuộc hạ tầng số theo phân cấp và theo các quy định hiện hành.

5. Sở Công Thương

Phối hợp với Công ty Điện lực Tuyên Quang và các đơn vị liên quan có phương án cấp điện đến các thôn, bản chưa có điện, nâng cấp hạ tầng lưới điện hiện có nhằm nâng cao chất lượng nguồn điện để phục vụ nhu cầu sử dụng điện của doanh nghiệp, người dân trên địa bàn cũng như bảo đảm nguồn điện phục vụ cho việc vận hành các trạm viễn thông.

6. Công an tỉnh

- Bảo đảm an ninh mạng; phối hợp bảo đảm an toàn mạng lưới, an ninh thông tin trong phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức điều tra, kịp thời xử lý các hành vi phá hoại cơ sở hạ tầng viễn thông; hành vi lợi dụng hạ tầng Internet, hạ tầng số và các nền tảng số để thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật.

7. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh

- Xây dựng hoặc lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp phát triển hạ tầng số trong kế hoạch hoạt động hàng năm và theo giai đoạn, bảo đảm đồng bộ với Kế hoạch và phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp triển khai các nhiệm vụ phát triển hạ tầng số, nhất là hạ tầng viễn thông (di động và cố định); xây dựng, công bố kế hoạch đầu tư, cải tạo nâng cấp hệ thống hạ tầng đô thị và ngoài đô thị để các đơn vị phối hợp triển khai đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật các ngành giao thông, năng lượng, chiếu sáng, cấp, thoát nước, hạ tầng công trình ngầm, hạ tầng kỹ thuật khác.

- Hỗ trợ bảo vệ hạ tầng số, xử lý các vụ việc phá hoại hạ tầng số, cản trở xây dựng các công trình viễn thông trên địa bàn tỉnh.

- Lựa chọn, sử dụng các nền tảng số, các nền tảng số có tính chất hạ tầng phù hợp (lưu ý sử dụng các nền tảng số do doanh nghiệp trong nước xây dựng). Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực, địa phương bảo đảm chuẩn hóa, đồng bộ, kết nối, liên thông phục vụ chuyển đổi số, xây dựng đô thị thông minh.

- Truyền thông, thúc đẩy mỗi người dân có một điện thoại thông minh, cài đặt các nền tảng số phù hợp; mỗi hộ gia đình lắp đặt một đường cáp quang băng rộng.

8. Các doanh nghiệp viễn thông, Internet, doanh nghiệp cung cấp trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, doanh nghiệp cung cấp hạ tầng công nghệ số, doanh nghiệp chủ quản nền tảng số

- Trên cơ sở những nội dung định hướng nêu tại Kế hoạch này, xây dựng và tổ chức thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả, phục vụ chuyển đổi số của tỉnh. Gửi Kế hoạch về Sở Thông tin và Truyền thông trước 20 tháng 12 hàng năm.

- Tuân thủ các quy định về quản lý xây dựng, sử dụng đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; chấp hành các quy định về sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật; tăng cường việc chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng viễn thông và hạ tầng kỹ thuật liên ngành; xác định giá cho thuê công trình hạ tầng kỹ thuật được sử dụng chung do doanh nghiệp đầu tư đúng quy định.

- Cung cấp các số liệu liên quan theo yêu cầu của Sở Thông tin và Truyền thông để phục vụ thẩm tra, xác minh số liệu báo cáo đánh giá phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh.

9. Các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở

- Tăng cường thông tin tuyên truyền tạo sự đồng thuận của người dân và xã hội hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của việc phát triển hạ tầng số, chung tay cùng các cấp chính quyền phát triển hạ tầng số bền vững, an toàn, trở thành nền tảng cho phát triển kinh tế số và xã hội số của tỉnh.

- Xây dựng, đăng tải và phát các bản tin, phóng sự về phát triển hạ tầng số trên địa bàn tỉnh trong các chương trình về chuyển đổi số.

10. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với trường hợp sau khi thực hiện tinh gọn, kiện toàn, sắp xếp tổ chức, bộ máy mà cơ quan, đơn vị được sáp nhập hoặc được chuyển chức năng, nhiệm vụ

sang cơ quan khác thì cơ quan, đơn vị sau khi sáp nhập, tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm tiếp nhận thực hiện các nhiệm vụ nêu tại Kế hoạch này của cơ quan, đơn vị được sáp nhập, được chuyển chức năng, nhiệm vụ.

Trên đây là Kế hoạch Phát triển hạ tầng số tỉnh Tuyên Quang năm 2025, định hướng đến năm 2030; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương, các doanh nghiệp viễn thông, Internet và các đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) để xem xét, giải quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Báo Tuyên Quang, Đài PTTH tỉnh;
- UBND huyện, thành phố;
- Các doanh nghiệp viễn thông, công nghệ thông tin;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TG CNTT 02.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Việt Phương